

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Đề án “Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác
của lực lượng Công an xã trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận”
giai đoạn 2014-2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Công an xã số 06/2008/PL-UBTVQH12 được Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 12 thông qua ngày 21/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 quy định về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 quy định về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận phê duyệt Đề án Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác của lực lượng Công an xã trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, giai đoạn 2014-2020;

Thực hiện Quyết định số 367/QĐ-TTg ngày 20/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch tổ chức triển khai thi hành Pháp lệnh Công an xã;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh tại Tờ trình số 235/TTr-CAT-PV28 ngày 29/7/2014 và Báo cáo thẩm định số 990/BC-STP ngày 25/6/2014 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án “Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác của lực lượng Công an xã trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận” giai đoạn 2014-2020. *uk*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã trong tỉnh; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: KL

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ: Công an, Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, PCT Võ Đại;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH - HĐND tỉnh;
- Các hội, đoàn thể trong tỉnh;
- Báo Ninh Thuận, Đài PT-TH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- VPUB: LĐ, TH, Trung tâm TH-CB;
- Lưu: VT, NC. ĐDM

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lưu Xuân Vĩnh

ĐỀ ÁN

**Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác của lực lượng Công an xã
trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2014-2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 56 /2014/QĐ-UBND
ngày 11 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

Phần I

**SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN
VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ**

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Ninh Thuận là tỉnh duyên hải cực Nam Trung bộ, diện tích tự nhiên 3.360 km², phía Tây giáp tỉnh Lâm Đồng, phía Bắc giáp tỉnh Khánh Hòa, phía Nam giáp tỉnh Bình Thuận, phía Đông giáp Biển Đông với 105 km bờ biển, là địa phương còn gặp nhiều khó khăn trong phát triển kinh tế nhưng lại có tính đặc thù về chính trị - xã hội, nhất là tình hình về an ninh tôn giáo, dân tộc, an ninh nông thôn. Toàn tỉnh có 06 huyện và 01 thành phố với 47 xã, 15 phường, 03 thị trấn, trong đó có 24 xã loại 1, 20 xã loại 2 và 03 xã loại 3 (theo quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp xã của Ủy ban nhân dân tỉnh); trong 47 xã có 24 xã được Bộ Công an công nhận là xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự. Dân số khoảng 575.000 người, với 27 thành phần dân tộc, chủ yếu là dân tộc Kinh chiếm 76,5%, dân tộc Chăm chiếm 11,3%, dân tộc Raglai chiếm 10,9%, còn lại là các dân tộc khác; đồng bào có đạo 144.665 người, chiếm 25,16% dân số, số đông theo đạo Thiên chúa và Phật giáo; dân số phân bố không đồng đều, tập trung chủ yếu ở vùng đồng bằng ven biển; mặt bằng về trình độ dân trí còn thấp, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Những năm qua, tình hình an ninh trật tự (ANTT) trên địa bàn toàn tỉnh nói chung và địa bàn các xã nói riêng cơ bản được giữ vững ổn định. Tuy nhiên, có thời điểm còn diễn biến phức tạp, số đối tượng cực đoan lợi dụng chính sách tôn giáo gia tăng các hoạt động tuyên truyền, lôi kéo tín đồ tham gia các hoạt động tôn giáo trái phép, việc tranh chấp, khiếu kiện có nơi, có lúc diễn ra gay gắt, nhất là việc giải tỏa, áp giá đền bù các dự án; các vụ mâu thuẫn, xung đột của một số thanh thiếu niên ở những khu vực giáp ranh giữa đồng bào người dân tộc Kinh và đồng bào người dân tộc Chăm diễn biến phức tạp, tội phạm và các vụ phạm pháp hình sự tuy được kiểm chế nhưng vẫn có xu hướng gia tăng cả về số vụ và tính chất, mức độ. Tội phạm trong lứa tuổi thanh niên, thiếu niên ngày càng cao, số vụ xảy ra ở địa bàn các xã luôn chiếm từ 70% đến 80% tổng số vụ phạm tội trên địa bàn tỉnh; các tệ nạn xã hội

như mại dâm, ma túy, đánh bạc với nhiều hình thức ngày càng gia tăng và đang có xu hướng chuyển về các vùng nông thôn, tai nạn giao thông diễn biến phức tạp, xảy ra nhiều trên các tuyến giao thông liên xã, liên huyện.

Dự báo trong thời gian tới, tình hình ANTT ở địa bàn toàn tỉnh sẽ còn diễn biến phức tạp, khó lường, nhất là ở địa bàn các xã, khu vực nông thôn; các thế lực thù địch sẽ tiếp tục lợi dụng vấn đề tôn giáo, dân tộc, dân chủ, nhân quyền kích động nhân dân để thực hiện âm mưu “*Diễn biến hòa bình*” gây chia rẽ khối đoàn kết giữa đồng bào các dân tộc trên địa bàn; công tác đảm bảo ANTT cho quá trình triển khai xây dựng các nhà máy Điện hạt nhân sẽ làm xuất hiện loại tội phạm mới, tội phạm công nghệ cao; các loại tội phạm nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng về hình sự, kinh tế, ma túy, các tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông đường bộ... ở địa bàn các xã tiếp tục diễn biến phức tạp.

Với đặc điểm, tình hình trên, công tác đảm bảo ANTT trên địa bàn tỉnh nói chung và ở các xã nói riêng còn nhiều vấn đề đặt ra cần phải tập trung tìm biện pháp, giải pháp cụ thể, thiết thực và hiệu quả nhằm phòng ngừa, hạn chế đến mức thấp nhất các vụ phạm pháp hình sự, kịp thời đấu tranh, triệt phá các loại tội phạm, tệ nạn xã hội xảy ra ở địa bàn cơ sở, đó là tiền đề cho việc đảm bảo ANTT, phục vụ công cuộc phát triển kinh tế-xã hội của địa phương.

Việc đề ra các giải pháp để củng cố, nâng cao chất lượng công tác đảm bảo ANTT ở địa bàn cơ sở trong tỉnh là một yêu cầu cần thiết. Trong đó, việc củng cố, xây dựng và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của lực lượng Công an xã là một giải pháp cấp bách, quan trọng hàng đầu, phù hợp với đặc điểm, tình hình của địa phương và yêu cầu thực hiện công tác đảm bảo ANTT ở địa bàn các xã.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;
2. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;
3. Luật An ninh Quốc gia ngày 03 tháng 12 năm 2004;
4. Luật Công an nhân dân ngày 29 tháng 11 năm 2005;
5. Luật Cư trú ngày 29 tháng 11 năm 2006;
6. Pháp lệnh Công an xã ngày 21 tháng 11 năm 2008;
7. Nghị định số 159/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn;
8. Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;
9. Thông tư số 12/2010/TT-BCA ngày 08 tháng 4 năm 2010 của Bộ Công an Quy định cụ thể thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã và Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã; u

10. Thông tư số 43/2013/TT-BCA ngày 15/10/2013 của Bộ Công an quy định về tiêu chuẩn, định mức trang bị cho Công an xã;

11. Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

12. Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

13. Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTBXH ngày 27/5/2010 của liên Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

14. Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức danh, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn;

15. Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới;

16. Chỉ thị số 03/CT-BCA-X11 ngày 10 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công an về xây dựng toàn diện Công an cấp huyện đáp ứng nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự trong tình hình mới;

17. Quyết định số 1299/2010/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về số lượng, các chức danh, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và thôn, khu phố.

Phần II **THỰC TRẠNG**

I. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ANTT Ở ĐỊA BÀN CÁC XÃ

Song song với nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế-xã hội, công tác quản lý nhà nước về ANTT trong những năm qua trên địa bàn tỉnh được các cấp ủy Đảng, chính quyền tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Tuy nhiên, vẫn còn những tồn tại, hạn chế như: việc triển khai thực hiện công tác quản lý nhà nước về ANTT có lúc, có nơi chưa thật sự quyết liệt, sâu sát và đồng bộ; việc lồng ghép công tác quản lý nhà nước về ANTT với thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hiệu quả chưa cao; lực lượng Công an một số xã chưa làm tốt vai trò tham mưu cấp ủy, chính quyền về công tác quản lý nhà nước về ANTT do thiếu về lực lượng, u

yếu về trình độ, nghiệp vụ; một số ngành chưa phối hợp tốt với Công an xã trong thực hiện nhiệm vụ đảm bảo ANTT ở cơ sở.

II. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC XÂY DỰNG, CÙNG CỐ PHONG TRÀO TOÀN DÂN BẢO VỆ AN NINH TỔ QUỐC (ANTQ)

Trong những năm qua, phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ được triển khai rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân, các ngành, lĩnh vực đời sống xã hội, mang lại hiệu quả thiết thực, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia. Các cấp, các ngành đã lồng ghép nội dung phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ với nhiệm vụ công tác chuyên môn bằng các mô hình, cách làm hiệu quả.

Tuy nhiên, phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ vẫn bộc lộ một số hạn chế, tồn tại như: Một bộ phận nhân dân chưa nhận thức đầy đủ về ý nghĩa, tầm quan trọng của phong trào nên chưa tích cực tham gia giữ gìn ANTT; công tác phối hợp thực hiện phong trào của các cấp, các ngành chưa thật sự đồng bộ, chặt chẽ, còn nặng về hình thức và thiếu tính bền vững; nội dung, hình thức phát động phong trào ít được đổi mới; ở vùng sâu, vùng xa, miền biển, phong trào chưa thực sự mạnh; công tác dân vận chưa thực sự đi vào chiều sâu... đã làm hạn chế mục đích, yêu cầu của phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ.

III. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC PHỐI HỢP GIỮA CÁC NGÀNH, CÁC LỰC LƯỢNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐẢM BẢO ANTT Ở ĐỊA BÀN CÁC XÃ

Nhiệm vụ đảm bảo ANTT ở địa bàn các xã là một trong những công tác trọng tâm luôn được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp, các ngành và các lực lượng liên quan, đạt được nhiều kết quả quan trọng. Vai trò của lực lượng Công an xã và các ngành, đoàn thể liên tịch về ANTT, các lực lượng Quân sự, Dân quân trong công tác đảm bảo an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội được đánh giá cao. Đặc biệt, lực lượng Công an các cấp đã làm tốt vai trò nòng cốt, chủ công trong công tác phối hợp liên tịch, liên ngành về ANTT.

Bên cạnh những kết quả đạt được, một số ngành nhận thức chưa đầy đủ về tầm quan trọng của công tác phối hợp liên tịch về ANTT, chưa thực sự quan tâm chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ đảm bảo ANTT, công tác phối hợp còn thụ động, có lúc còn ý lại lực lượng chức năng nên đã ảnh hưởng đến hiệu quả, chất lượng công tác đảm bảo ANTT ở cơ sở.

IV. VAI TRÒ, VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA LỰC LƯỢNG CÔNG AN XÃ

Công an xã là lực lượng vũ trang bán chuyên trách, thuộc hệ thống tổ chức của Công an nhân dân, vừa là lực lượng thực hiện nhiệm vụ tham mưu cho cấp ủy, chính quyền về bảo đảm ANTT, an toàn xã hội, vừa là lực lượng chủ công, nòng cốt trong phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ; trực tiếp đấu tranh phòng, chống tội phạm, bài trừ tệ nạn xã hội, giữ gìn ANTT, an toàn xã hội ở cơ sở; là lực lượng chủ yếu làm nòng cốt giúp Ủy ban nhân dân xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về u

ANTT trên địa bàn; thực hiện nhiệm vụ quản lý, giáo dục, cảm hóa đối tượng vi phạm pháp luật; giúp Ủy ban nhân dân xã kịp thời xử lý vi phạm hành chính về ANTT, an toàn xã hội đúng pháp luật và đảm bảo hiệu quả.

Lực lượng Công an xã trong tình ngày càng có nhiều đóng góp tích cực, xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và phát triển về mọi mặt của địa phương, góp phần cùng cả nước xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN, đòi hỏi cần phải tạo điều kiện thuận lợi, đầu tư xứng đáng về chế độ, chính sách, sự quan tâm về mọi mặt của các cấp ủy Đảng, chính quyền và cả hệ thống chính trị, các tầng lớp nhân dân để lực lượng này thật sự yên tâm công tác, hoàn thành vai trò trách nhiệm, góp phần ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

V. YÊU CẦU CỦA CÔNG CUỘC ĐẤU TRANH, BẢO VỆ ANTT TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Với đặc điểm tình hình của địa phương Ninh Thuận đã đặt ra yêu cầu của việc đấu tranh, bảo vệ ANTT phải được kịp thời giải quyết dứt điểm trong từng giai đoạn, từng vụ việc cụ thể, nhất là trước tình hình các thế lực thù địch đang tiếp tục lợi dụng vấn đề dân chủ, nhân quyền về tôn giáo, dân tộc, hoạt động gây chia rẽ khối đoàn kết toàn dân, do đó nhiệm vụ đặt ra đối với lực lượng Công an nói chung, Công an cơ sở nói riêng là hết sức nặng nề, đòi hỏi phải đáp ứng kể cả về số lượng, chất lượng. Để góp phần chung tay cùng toàn Đảng, toàn quân và toàn dân Ninh Thuận thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, vấn đề đảm bảo ANTT là quy luật tất yếu, có tính chất quyết định đến hiệu quả, chất lượng và sự thắng lợi của mọi chiến lược phát triển ở địa phương.

VI. THỰC TRẠNG CÔNG AN XÃ HIỆN NAY

1. Tình hình tổ chức, biên chế, trình độ nghiệp vụ, chính trị của lực lượng Công an xã.

a) Về tổ chức, biên chế:

Toàn tỉnh có 47 Ban Công an xã, gồm 392 đồng chí, trong đó Trưởng Công an xã 43 đồng chí (4/43 đồng chí là Công an chính quy); Phó trưởng Công an xã 93 đồng chí; Công an viên 256 đồng chí (*kiêm nhiệm chức danh Phó trưởng thôn*); có 141 đảng viên, 156 đồng chí là người dân tộc thiểu số; dưới 40 tuổi có 260 đồng chí, trên 40 tuổi có 134 đồng chí.

b) Về trình độ học vấn, chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị:

- Trình độ học vấn:

- + Tốt nghiệp Trung học phổ thông: 181/392 đồng chí (chiếm 46,17%).
- + Tốt nghiệp Trung học cơ sở: 187/392 đồng chí (chiếm 47,7%)
- + Tiểu học: 24/392 đồng chí (chiếm 6,13%). u

- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:

- + Đại học Luật: 02 đồng chí.
- + Trung cấp: 56 đồng chí.
- + Đang học trung cấp nghiệp vụ Công an xã: 79 đồng chí.
- + Chưa qua đào tạo: 216 đồng chí.

- Trình độ lý luận chính trị:

- + Trung cấp lý luận chính trị: 40/392 đồng chí (chiếm 10,2%).
- + Sơ cấp lý luận chính trị: 28/392 đồng chí (chiếm 7,14%).
- + Chưa qua đào tạo: 324/392 đồng chí (chiếm 82,66%).

Với thực trạng trên, đối chiếu với quy định của Chính phủ, lực lượng Công an xã hiện nay còn thiếu và yếu so với yêu cầu, nhiệm vụ đảm bảo ANTT ở cơ sở. Do vậy, cần phải được củng cố, kiện toàn về tổ chức, biên chế để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình hiện nay.

2. Điều kiện đảm bảo và hoạt động của Công an xã.

a) Về trụ sở làm việc:

Hiện nay, 47/47 Ban Công an xã đều chưa có nhà làm việc độc lập, 41/47 Ban Công an xã có phòng làm việc được bố trí chung trong trụ sở UBND xã; 06/47 xã vùng sâu, vùng xa, xã mới chia tách ở 02 huyện Thuận Nam và Thuận Bắc chưa có phòng làm việc riêng, còn bố trí làm việc chung với các ban, ngành khác. Diện tích bố trí cho Ban Công an xã vừa là nơi làm việc, vừa là nơi tiếp công dân, chủ yếu là nhà cấp 4 đã cũ, so với yêu cầu là chưa đạt tiêu chuẩn, chưa đảm bảo phục vụ công tác của Công an xã.

b) Về vũ khí, phương tiện, công cụ hỗ trợ:

Toàn tỉnh hiện nay có 24/47 xã được trang cấp súng, 47/47 xã được trang cấp dùi cui điện, gậy cao su, còng số 8, tủ đựng hồ sơ, tài liệu... Vũ khí, công cụ hỗ trợ, phương tiện làm việc chủ yếu do các địa phương tự trang cấp, một số xã được Công an tỉnh trang cấp theo quy định để phục vụ công tác.

c) Về chế độ, chính sách:

- Trưởng Công an xã được hưởng lương và các chế độ phụ cấp theo quy định về công chức cấp xã.

- Phó trưởng Công an xã và Công an viên được hưởng chế độ phụ cấp như sau:

+ Phó trưởng Công an xã hưởng chế độ phụ cấp hàng tháng, hệ số 1.0 so với mức lương cơ sở;

+ Công an viên ở các thôn hưởng chế độ phụ cấp hàng tháng theo hệ số của Phó trưởng thôn là 0.9 so với mức lương cơ sở. u

Các chế độ khác như: Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế... cho lực lượng Công an xã không có (trừ Trường Công an xã).

Một số cán bộ Công an xã bị thương trong khi làm nhiệm vụ nhưng do chưa được quy định cụ thể và nhiều lý do khác nhau, trong thời gian dài vẫn chưa được giải quyết chế độ theo quy định của pháp luật.

Những năm gần đây, lực lượng Công an xã đã được quan tâm đầu tư trang bị phương tiện làm việc, vũ khí, công cụ hỗ trợ như: bàn ghế, áo giáp, găng tay bắt dao, gậy cao su, trang phục, giày, mũ, phù hiệu, Giấy chứng nhận Công an xã; phương tiện thông tin liên lạc, máy móc văn phòng dần được đầu tư trang cấp. Tuy nhiên, điều kiện cơ sở vật chất phục vụ công tác cho lực lượng Công an xã vẫn còn thiếu, có nơi chưa có phòng làm việc, còn sử dụng chung điện thoại bàn với các ban, ngành khác nên dễ dẫn đến lộ, lọt thông tin.

d) Nguồn kinh phí hoạt động của Công an xã gồm:

- Kinh phí thường xuyên do UBND xã cân đối, cấp cho Công an xã.
- Một số xã được quan tâm trích một phần từ nguồn kinh phí xử phạt vi phạm hành chính về ANTT của xã, kinh phí xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự an toàn giao thông của huyện để hỗ trợ Công an xã hoạt động.

đ) Về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho lực lượng Công an xã:

Thời gian qua, Công an tỉnh đã phối hợp với Trường Trung cấp An ninh nhân dân II, Trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân II và Trường Chính trị tỉnh mở các lớp đào tạo trung cấp Công an xã hệ vừa làm vừa học (lớp 1: 2007-2009, lớp 2: 2012-2014); hàng năm tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, pháp luật cho lực lượng Công an xã. Tuy nhiên, so với yêu cầu nhiệm vụ của Công an xã trong việc đảm bảo ANTT ở cơ sở và quy định của Bộ Công an thì việc đào tạo, bồi dưỡng cho lực lượng Công an xã vẫn chưa đáp ứng yêu cầu đề ra.

e) Về hoạt động của Công an xã:

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của cấp ủy Đảng, sự quản lý, điều hành của UBND cùng cấp, công tác hướng dẫn nghiệp vụ của Công an cấp trên, trong những năm qua, hoạt động của lực lượng Công an xã toàn tỉnh luôn bám sát quy định tại Pháp lệnh Công an xã và Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Công an xã (sau đây viết tắt là Nghị định số 73/2009/NĐ-CP), hướng dẫn của Bộ Công an và Giám đốc Công an tỉnh. Lực lượng Công an xã đã cơ bản làm tốt vai trò nòng cốt tham mưu cho cấp ủy, chính quyền chỉ đạo tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật có liên quan đến công tác giữ gìn ANTT, xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTT, xây dựng lực lượng Công an xã ngày càng trong sạch, vững mạnh; chủ trì, phối hợp với các lực lượng, các ngành, đoàn thể trên địa bàn triển khai, thực hiện công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, phòng chống các loại tội phạm và tệ nạn xã hội; tham gia công tác quản lý nhà nước về ANTT ở cơ sở, làm nòng cốt trong công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTT...; đã góp phần quan trọng trong công tác bảo vệ u

ANTT ở địa bàn cơ sở, phục vụ kịp thời cho sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Bên cạnh những mặt đạt được, do những bất cập về tổ chức, biên chế, trình độ văn hóa, chính trị, nghiệp vụ của lực lượng Công an xã; trang thiết bị, kinh phí, cơ sở vật chất và chế độ, chính sách đảm bảo cho hoạt động của Công an xã còn nhiều hạn chế, đã ảnh hưởng đến hiệu quả, chất lượng công tác của Công an xã trong thời gian dài.

Trước thực trạng trên, để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự trong tình hình mới, đòi hỏi phải củng cố, xây dựng lực lượng Công an xã toàn diện về mọi mặt, tạo mọi điều kiện thuận lợi để đảm bảo hoạt động của lực lượng Công an xã theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Phần III NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN

I. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Quan triệt quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân, trong đó lực lượng Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt.

Đảm bảo đúng chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng; đúng quy định và phù hợp với Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước về Công an xã trong chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội trong từng giai đoạn cách mạng từ nay đến năm 2020 và những năm tiếp theo, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và đấu tranh phòng, chống tội phạm, các hành vi vi phạm pháp luật ở địa bàn cơ sở.

Xác định vai trò, trách nhiệm và sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền trong việc xây dựng, củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng đội ngũ Công an xã. Trong đó, chú trọng công tác tuyển chọn, đào tạo cán bộ, bố trí đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng, tính kế thừa, phát triển ổn định phục vụ yêu cầu đảm bảo giữ gìn an ninh, trật tự của địa phương.

II. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu:

Xây dựng lực lượng Công an xã có trình độ văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ, chính trị theo tiêu chuẩn và các chức danh được quy định tại Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ Nội vụ về tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và các văn bản pháp luật có liên quan, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn cách mạng hiện nay; đồng thời để lực lượng Công an xã đảm nhiệm, hoàn thành chức năng, nhiệm vụ được giao trong từng giai đoạn cụ thể. u

2. Yêu cầu:

a) Xây dựng lực lượng Công an xã đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng.

- Về số lượng: Mỗi xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự, xã loại 1, xã loại 2 bố trí 01 Trưởng Công an xã, 02 Phó trưởng Công an xã, 01 Công an viên thường trực tại xã; mỗi xã loại 3 bố trí 01 Trưởng Công an xã, 01 Phó trưởng Công an xã, 01 Công an viên thường trực; mỗi thôn bố trí 01 Công an viên.

- Về đảm bảo chất lượng: Phó trưởng Công an xã và Công an viên thường trực tốt nghiệp từ trung học phổ thông trở lên; ở các xã thuộc địa bàn khó khăn thì tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên; riêng Trưởng Công an xã thực hiện theo quy định hiện hành. Đào tạo trình độ trung cấp nghiệp vụ Công an xã cho Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã và cán bộ dự nguồn Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã; hàng năm đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, pháp luật cho Công an xã.

- Về trình độ tin học: Từ năm 2015 trở đi, Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã và Công an viên thường trực theo lộ trình có trình độ tin học chứng chỉ A trở lên hoặc biết sử dụng ứng dụng tin học văn phòng. Đến năm 2017, 100% lực lượng Công an xã (trừ Công an viên làm việc ở thôn) có chứng chỉ A tin học trở lên.

- Về hiểu biết tiếng dân tộc: Công an xã ở các xã có từ 50% dân số là đồng bào dân tộc thiểu số phải nói và hiểu được tiếng dân tộc tại địa phương; ở các xã có người dân tộc thiểu số sinh sống, trong Ban Công an xã có ít nhất 01 người nói và hiểu được tiếng dân tộc đó.

b) Đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị và chế độ, chính sách đối với Công an xã.

Thực hiện theo quy định của Pháp lệnh Công an xã và Nghị định số 73/2009/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Củng cố, kiện toàn lực lượng Công an xã.

a) Về nguồn nhân lực:

Việc củng cố, kiện toàn lực lượng Công an xã phải bám sát mục tiêu, nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự ở cơ sở, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của các cấp ủy Đảng, sự chỉ đạo, điều hành của chính quyền địa phương và hướng dẫn nghiệp vụ của Công an cấp huyện. Các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và Công an tỉnh phải nhận thức sâu sắc ý nghĩa, tầm quan trọng và sự cần thiết của việc củng cố, kiện toàn lực lượng Công an xã, coi đây là nhiệm vụ vừa có tính chiến lược lâu dài, vừa là công tác cấp bách trong xây dựng thể trận an ninh nhân dân, phù hợp với định hướng xây dựng nguồn lực cho cơ sở, tiến tới trang bị cho đội ngũ Công an xã có bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành tuyệt đối với Đảng, với Tổ quốc, có tinh thần vì nhân dân phục vụ; có trình độ học vấn từ trung học phổ thông trở lên, u

được đào tạo lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ; có ý thức tổ chức kỷ luật, tự giác, đề cao tinh thần trách nhiệm, gắn bó mật thiết với nhân dân.

Khảo sát, đánh giá toàn diện tình hình ANTT và đội ngũ cán bộ Công an xã toàn tỉnh làm cơ sở xây dựng kế hoạch cụ thể để củng cố, kiện toàn mô hình Công an xã và đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng, năng lực cho đội ngũ cán bộ Công an xã. Trong đó, chú trọng các tiêu chí về an ninh, trật tự, dân số, kinh tế - xã hội, vị trí địa lý... để chủ động bố trí cơ cấu cán bộ theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (sau đây viết tắt là Nghị định số 92/2009/NĐ-CP); Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP; Nghị định số 73/2009/NĐ-CP; Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 25/4/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế bầu cử, tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Ninh Thuận và đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng, năng lực cho đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu công tác, chiến đấu. Trong việc định biên, cần sớm được sắp xếp, bố trí đối với các chức danh Công an xã, nhất là cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, chỉ huy để có quy hoạch phù hợp.

Trong công tác tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng cho đội ngũ cán bộ Công an xã cần tập trung ưu tiên đào tạo nghiệp vụ Công an nhân dân cho cán bộ là Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã và cán bộ dự nguồn Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã; định kỳ huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ, pháp luật cho lực lượng Công an xã. Từ năm 2015 trở đi, các trường hợp tuyển dụng vào công tác trong lực lượng Công an xã (trừ địa bàn còn gặp khó khăn về nguồn nhân lực) phải có trình độ từ tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc chứng nhận học hết trung học phổ thông trở lên, thay thế dần số cán bộ có trình độ thấp để đến năm 2020, 100% cán bộ Công an xã có trình độ trung học phổ thông, bổ túc trung học phổ thông hoặc chứng nhận học hết trung học phổ thông trở lên.

Đối với các xã miền núi, vùng dân tộc, vùng bãi ngang ven biển có khó khăn về nguồn nhân lực sẽ có kế hoạch cụ thể đào tạo riêng cho cán bộ Công an xã là nguồn lực tại chỗ, kết hợp tuyển chọn người dân tộc tại các trường dân tộc nội trú để tổ chức đào tạo nâng cao trình độ học vấn và đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ công an, tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho các xã miền núi (Theo Khoản 1, Điều 5, Chương I Pháp lệnh Công an xã; Khoản 1, Điều 4 Nghị định số 73/2009/NĐ-CP; Điều 14, Chương III Thông tư số 12/2010/TT-BCA ngày 08/4/2010 của Bộ Công an quy định cụ thể thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã và Nghị định số 73/2009/NĐ-CP).

Kinh phí để tổ chức, huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức, chính trị, nghiệp vụ, pháp luật cho Công an xã được chi từ nguồn ngân sách thường xuyên hàng năm của tỉnh (*Phụ lục I kèm theo*). u

b) Về tổ chức, biên chế:

Căn cứ Điều 10 Pháp lệnh Công an xã; Khoản 2, Điều 3 Nghị định số 73/2009/NĐ-CP và Điều 13, Chương III Thông tư số 12/2010/TT-BCA, ngày 18/4/2010 của Bộ Công an quy định cụ thể thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã và Nghị định số 73/2009/NĐ-CP quy định khung số lượng Phó trưởng Công an xã và Công an viên như sau: Mỗi xã được bố trí 01 Phó trưởng Công an xã; xã trọng điểm, phức tạp về ANTT, xã loại 1, xã loại 2 được bố trí không quá 02 Phó trưởng Công an xã. Mỗi thôn, xóm, làng và đơn vị dân cư tương đương được bố trí 01 Công an viên và không quá 02 Công an viên làm nhiệm vụ thường trực 24/24 giờ tại trụ sở hoặc nơi làm việc của Công an xã (*sau đây gọi chung là Công an viên thường trực*). Đối với thôn, xóm, làng và đơn vị dân cư tương đương thuộc xã trọng điểm, phức tạp về ANTT, xã loại 1 và xã loại 2 được bố trí không quá 02 Công an viên và không quá 03 Công an viên thường trực.

Tuy nhiên, để phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, trên cơ sở phân loại đơn vị hành chính cấp xã năm 2010 của UBND tỉnh, về tổ chức Công an xã được chia thành 03 loại để làm căn cứ xây dựng biên chế Công an xã theo lộ trình như sau:

+ Xã loại 1, xã loại 2, xã trọng điểm, phức tạp về ANTT có 46 xã, 253 thôn: bố trí mỗi xã 01 Trưởng Công an xã, 02 Phó trưởng Công an xã, 01 Công an viên thường trực và mỗi thôn 01 Công an viên.

+ Xã loại 3 có 03 xã, trong đó có 02 xã trọng điểm, phức tạp về ANTT nên khung số lượng Công an xã tính theo xã loại 1, xã loại 2.

Như vậy, có 01 xã loại 3 bố trí 01 Trưởng Công an xã, 01 Phó trưởng Công an xã, 01 Công an viên thường trực và mỗi thôn bố trí 01 Công an viên.

So với hiện nay, số lượng Trưởng Công an xã tăng 02 đồng chí; Phó trưởng Công an xã không thay đổi (93/93 đồng chí); Công an viên thường trực tăng 47 đồng chí.

Tổng biên chế lực lượng Công an xã toàn tỉnh gồm: 47 Trưởng Công an xã + 93 Phó trưởng Công an xã + 47 Công an viên thường trực + 256 Công an viên làm việc ở thôn = 443 đồng chí. Như vậy tăng 49 đồng chí (02 Trưởng Công an xã và 47 Công an viên thường trực) so với hiện nay.

c) Tổ chức khảo sát, đánh giá phân loại xã hàng năm:

Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP và Điều 3, Chương I Thông tư số 12/2010/TT-BCA ngày 08/4/2010 của Bộ Công an quy định cụ thể thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã và Nghị định số 73/2009/NĐ-CP, hàng năm Giám đốc Công an tỉnh có trách nhiệm rà soát, thống kê các xã trọng điểm, phức tạp về ANTT để báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị Bộ Công an quyết định công nhận xã trọng điểm, phức tạp về ANTT; phối hợp Sở Nội vụ rà soát, xác định phân loại đơn vị hành chính cấp xã đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công nhận để làm cơ sở điều chỉnh, bổ sung số lượng Công an xã hàng năm. ll

Kinh phí khảo sát, đánh giá, phân loại xã được chi từ nguồn ngân sách thường xuyên hàng năm của tỉnh (*Phụ lục II kèm theo*).

d) Về cơ sở vật chất, trang thiết bị:

Thực hiện theo Thông tư số 43/2013/TT-BCA ngày 15/10/2013 của Bộ Công an quy định về tiêu chuẩn, định mức trang bị cho Công an xã, đồng thời, căn cứ kết quả khảo sát thực trạng về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện làm việc hiện có của lực lượng Công an xã, đề xuất trang cấp mới hoặc sửa chữa số bị hư hỏng, đảm bảo đáp ứng nhu cầu tối thiểu phục vụ công tác của Công an xã.

Đảm bảo 100% Ban Công an xã được trang cấp vũ khí, công cụ hỗ trợ phục vụ công tác, chiến đấu theo Pháp lệnh Công an xã (*do Công an tỉnh tham mưu lập dự trù kinh phí trình Bộ Công an trang bị*); Công an tỉnh tham mưu dự trù kinh phí trình UBND tỉnh cấp kinh phí mua sắm trang bị cho 100% Ban Công an xã có trang bị, phương tiện làm việc.

- Mua sắm trang thiết bị văn phòng cho Công an các xã:

Mỗi Ban Công an xã được trang bị 01 máy điện thoại để bàn. Khoản cước phí 200.000đồng/máy/tháng từ nguồn ngân sách của xã (*Hiện nay đang được thực hiện*).

Mỗi Ban Công an xã trang bị 01 bộ máy vi tính và máy in. Kinh phí từ nguồn ngân sách của tỉnh (*Phụ lục III kèm theo*).

- Xây dựng nhà làm việc cho Công an xã:

Cân đối nguồn ngân sách đầu tư xây dựng cơ bản để bố trí cho các địa phương xây dựng nhà làm việc Công an xã trong khuôn viên trụ sở UBND xã, đáp ứng công tác chuyên môn và đảm bảo nhu cầu tối thiểu trong công tác tổ chức tiếp công dân. Mục tiêu trước mắt, ưu tiên cho 06 xã ở 02 huyện Thuận Nam và Thuận Bắc chưa có phòng làm việc trong trụ sở Ủy ban nhân dân xã, đến năm 2020 đảm bảo 100% Công an xã có nhà làm việc độc lập, đáp ứng yêu cầu công tác.

Kinh phí xây dựng nhà làm việc cho Công an xã được trích từ nguồn ngân sách của tỉnh (*Phụ lục IV kèm theo*).

2. Chế độ, chính sách.

Tùy tình hình thực tế trong từng giai đoạn cụ thể, chế độ, chính sách của lực lượng Công an xã có thể thay đổi cho phù hợp khi có sự thay đổi về chế độ, chính sách cải cách tiền lương, các chế độ phụ cấp khác theo quy định của Nhà nước.

Thực hiện tốt các chế độ, chính sách đãi ngộ cho cán bộ Công an xã, nhất là các xã miền núi, các xã loại 1, xã loại 2, xã phức tạp về ANTT theo chủ trương của Chính phủ; đề xuất mức phụ cấp cho lực lượng Công an xã tương xứng với tính chất công việc được giao, kết hợp hỗ trợ, trợ cấp khó khăn từ các nguồn kinh phí Quỹ đền ơn đáp nghĩa, Quỹ vì người nghèo cho Công an xã có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. u

a) Quy định mức phụ cấp đối với lực lượng Công an xã:

Mức phụ cấp đối với Phó trưởng Công an xã, Công an viên thực hiện theo Thông tư số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTBXH ngày 27/5/2010 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Phó trưởng Công an xã, Công an viên thường trực hưởng chế độ phụ cấp hàng tháng hệ số 1.0 so với mức lương cơ sở.

- Công an viên ở các thôn hưởng chế độ phụ cấp hàng tháng hệ số 0.9 so với mức lương cơ sở.

Ngoài mức phụ cấp nêu trên, Phó trưởng Công an xã và Công an viên được hưởng thêm phụ cấp theo Điều 1 Nghị định số 29/2013/NĐ-CP, ngày 08/4/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 92/2009/NĐ-CP (Kính phí do Trung ương khoán cấp chi trả cho những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã).

Trưởng Công an xã có thời gian phục vụ liên tục từ đủ 60 tháng trở lên được hưởng phụ cấp thâm niên mỗi năm bằng 01% lương và phụ cấp đóng bảo hiểm hiện hưởng (phụ cấp thâm niên được chi trả hàng tháng cùng kỳ lương và dùng để đóng, hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế); có thời gian công tác liên tục từ đủ 15 năm trở lên nếu nghỉ việc vì lý do chính đáng mà chưa đủ điều kiện nghỉ hưu thì được hưởng trợ cấp một lần, cứ mỗi năm công tác được tính bằng 1,5 tháng mức bình quân tiền lương hiện hưởng và phụ cấp đóng bảo hiểm hiện hưởng.

Phó trưởng Công an xã và Công an viên có thời gian công tác liên tục từ đủ 15 năm trở lên nếu nghỉ việc vì lý do chính đáng thì được hưởng trợ cấp một lần, cứ mỗi năm công tác được tính bằng 1,5 tháng mức bình quân phụ cấp hiện hưởng.

b) Chế độ trợ cấp thường trực sẵn sàng chiến đấu:

Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã và Công an viên khi làm nhiệm vụ thường trực sẵn sàng chiến đấu tại những nơi thuộc địa bàn trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự được hưởng trợ cấp mỗi ngày bằng 0,05 lần mức lương cơ sở. Trường hợp làm nhiệm vụ cách xa nơi cư trú từ 15 km trở lên, không có điều kiện đi, về hàng ngày thì được cơ quan đã ra quyết định huy động bố trí nơi nghỉ, hỗ trợ phương tiện, chi phí đi lại hoặc thanh toán tiền taxi một lần đi, về.

c) Chế độ phụ cấp tăng thêm theo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ:

Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã, Công an viên (bao gồm Công an viên thường trực và Công an viên làm việc ở thôn) (trừ những người đang hưởng chế độ hưu trí hoặc trợ cấp mất sức lao động hàng tháng theo quy định) nếu có bằng cấp chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với chức danh công tác thì ngoài khoản phụ cấp nêu trên, được hưởng thêm phần chênh lệch như sau:

- Trung cấp hưởng hệ số 0,86 so với mức lương cơ sở/tháng.
- Cao đẳng hưởng hệ số 1,1 so với mức lương cơ sở/tháng. u

- Đại học hưởng hệ số 1,34 so với mức lương cơ sở/tháng.

Chế độ, chính sách khác ngoài các khoản phụ cấp nêu trên thực hiện theo Điều 7 Nghị định số 73/2009/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan (Phụ lục V kèm theo).

d) Hỗ trợ kinh phí đóng Bảo hiểm y tế:

- Việc đóng Bảo hiểm xã hội của Trưởng Công an xã thực hiện theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội và quy định pháp luật liên quan, riêng Phó trưởng Công an xã và Công an viên tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện theo quy định.

- Bảo hiểm y tế đối với Phó trưởng Công an xã và Công an viên được thực hiện theo quy định tại Điểm k, Khoản 1, Điều 13; Khoản 4, Điều 14 Luật Bảo hiểm y tế là 06% mức lương cơ sở. Trong đó, 03/06% do ngân sách Trung ương hỗ trợ theo Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP; 03/06% còn lại do ngân sách tỉnh hỗ trợ (Phụ lục VI kèm theo).

đ) Chế độ, chính sách đối với Công an xã bị thương, hy sinh trong khi làm nhiệm vụ hoặc vì lý do thi hành công vụ:

Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã, Công an viên bị thương, hy sinh trong khi làm nhiệm vụ hoặc vì lý do thi hành công vụ, được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

e) Các chế độ khác:

- Trang cấp phương tiện, nhiên liệu phục vụ công tác cho Công an xã:

Theo lộ trình từ 2014 đến 2017, trang cấp cho Công an mỗi xã 01 xe một tô.

Mỗi tháng cấp 35 lít xăng/xã.

Kinh phí mua sắm phương tiện đi lại được trích từ nguồn ngân sách của tỉnh; kinh phí mua sắm nhiên liệu (xăng) phục vụ công tác của Công an xã được trích từ nguồn kinh phí của huyện, thành phố (Phụ lục VII kèm theo).

- Về trang phục, phù hiệu, Giấy chứng nhận Công an xã:

Thực hiện theo Điều 6 Nghị định số 73/2009/NĐ-CP. Giám đốc Công an tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra việc quản lý, sử dụng trang phục, phù hiệu, Giấy chứng nhận của Công an xã đúng theo quy định, hướng dẫn của Bộ Công an (Hiện nay đang được thực hiện).

- Hỗ trợ kinh phí hoạt động của Công an xã:

Mỗi xã trọng điểm phức tạp về ANTT, xã loại 1, xã loại 2 được hỗ trợ 2.000.000 đồng/tháng; mỗi xã loại 3 được hỗ trợ 1.500.000 đồng/tháng (Hiện nay đang được thực hiện).

Chủ tịch UBND các xã có trách nhiệm cân đối nguồn kinh phí chi cho hoạt động quản lý hành chính của UBND xã; ngân sách Nhà nước chi cho công tác an u

ninh... của địa phương để bố trí kinh phí cho Công an xã đảm bảo theo đúng quy định nêu trên.

Kinh phí hoạt động của Công an xã được trích từ nguồn ngân sách của xã (Phụ lục VIII kèm theo).

3. Về kinh phí phục vụ xây dựng và triển khai Đề án.

- Tổng dự toán kinh phí: **28.821.824.000đ**

(Hai mươi tám tỷ, tám trăm hai mươi một triệu, tám trăm hai mươi bốn ngàn đồng).

Trong đó:

- Ngân sách cấp tỉnh: **19.128.824.000đ.**

- Ngân sách cấp huyện: **2.961.000.000đ.**

- Ngân sách cấp xã: **6.732.000.000đ.**

(Kèm theo các phụ lục từ I đến XI).

4. Lộ trình các bước triển khai thực hiện Đề án.

Bước 1: Tiến hành khảo sát, đánh giá toàn diện tình hình ANTT và đội ngũ cán bộ Công an xã toàn tỉnh và cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện làm việc hiện có của Công an cấp xã; rà soát, hệ thống hóa các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của chính quyền và của lực lượng Công an các cấp đối với lực lượng Công an xã trong công tác đảm bảo ANTT ở cơ sở và xây dựng lực lượng Công an xã.

- Cơ quan chỉ đạo: UBND tỉnh.
- Cơ quan chủ trì thực hiện: Công an tỉnh.
- Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ, UBND cấp huyện và UBND cấp xã.
- Thời gian thực hiện: Hoàn thành trong Quý II/2014.
- Sản phẩm: Báo cáo tổng hợp.

Bước 2: Tham mưu, trình Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác củng cố, xây dựng lực lượng Công an cấp xã.

- Cơ quan chỉ đạo: UBND tỉnh;
- Cơ quan chủ trì thực hiện: Công an tỉnh;
- Cơ quan phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh.
- Thời gian thực hiện: Hoàn thành trong Quý IV/2014.
- Sản phẩm: Văn bản chỉ đạo.

Bước 3: Xây dựng kế hoạch củng cố, kiện toàn và đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ Công an xã; chính sách hỗ trợ cho lực lượng Công an xã.

- Cơ quan chỉ đạo: UBND tỉnh; u

- Cơ quan chủ trì thực hiện: Công an tỉnh;
 - Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ, UBND cấp huyện và UBND cấp xã.
 - Thời gian thực hiện: Xây dựng kế hoạch, báo cáo UBND tỉnh trong Quý II/2014; triển khai thực hiện trong Quý I/2015.
 - Sản phẩm: Văn bản hướng dẫn công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ Công an xã; chế độ, chính sách của Công an xã.
- Bước 4:** Triển khai sửa chữa, nâng cấp, xây mới nhà làm việc, trang bị cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu công tác cho lực lượng Công an xã.
- Cơ quan chỉ đạo: UBND tỉnh;
 - Cơ quan chủ trì thực hiện: UBND các huyện, thành phố;
 - Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng và Công an cấp huyện.
 - Thời gian thực hiện: UBND các huyện, thành phố lập dự toán trong phạm vi của địa phương báo cáo Sở Xây dựng tổng hợp, phối hợp Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập dự toán tổng thể, trình UBND tỉnh phê duyệt trong Quý I/2015; bắt đầu thực hiện từ Quý III/2015.
 - Sản phẩm: Dự toán xây dựng nhà làm việc, trang bị cơ sở vật chất cho Công an xã; Nhà làm việc, cơ sở vật chất của Công an xã.

Phần IV **ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ VÀ TÍNH KHẢ THI CỦA ĐỀ ÁN**

I. ĐỐI VỚI AN NINH CHÍNH TRỊ, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI

Sau khi Đề án được phê duyệt và triển khai thực hiện, lực lượng Công an xã chính thức hoạt động đúng theo quy định của Pháp lệnh Công an xã, là lực lượng vũ trang bán chuyên trách thuộc hệ thống tổ chức của Công an nhân dân, làm nòng cốt trong phong trào toàn dân bảo vệ ANTO, giữ gìn trật tự an toàn xã hội trên địa bàn các xã. Tổ chức biên chế, các chế độ chính sách của lực lượng Công an xã được đảm bảo thực hiện sẽ thúc đẩy phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo thực hiện ngay từ cơ sở. Cơ bản đảm bảo thực hiện công tác phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật, góp phần kiềm chế tội phạm, ổn định tình hình, tăng cường công tác nắm tình hình địa bàn, không để xảy ra phức tạp, điểm nóng, giảm tỷ lệ các xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự, xây dựng đoàn kết dân tộc, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở để chung sức xây dựng quê hương Ninh Thuận ngày càng giàu đẹp.

II. ĐỐI VỚI CÔNG CUỘC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội là tiền đề, là điều kiện cần và đủ cho mọi chiến lược phát triển. Việc triển khai thực hiện nội dung Đề u

án sẽ góp phần làm thúc đẩy và tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

III. ĐỐI VỚI CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG AN XÃ VÀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CÔNG AN XÃ

Công an xã do Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện quản lý về mặt hành chính, Công an cấp huyện quản lý, hướng dẫn về mặt nghiệp vụ, là lực lượng thường xuyên, trực tiếp tiếp xúc với nhân dân, đòi hỏi mọi hoạt động của lực lượng Công an xã phải được đặt dưới sự lãnh đạo toàn diện của cấp ủy Đảng, sự quản lý của chính quyền các cấp. Để có cơ sở nâng cao chất lượng quản lý Nhà nước đối với lực lượng Công an xã trên địa bàn tỉnh, việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản triển khai thực hiện là một giải pháp thiết thực, hiệu quả, đảm bảo hoạt động của Công an xã trong khuôn khổ quy định của pháp luật.

IV. ĐỐI VỚI LỰC LƯỢNG CÔNG AN XÃ

Với thực trạng hoạt động của Công an xã trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, việc triển khai thực hiện các giải pháp của Đề án nhằm đảm bảo hoạt động của Công an xã theo đúng quy định Pháp lệnh Công an xã năm 2008 và các văn bản pháp luật khác có liên quan đến Công an xã; đảm bảo thực hiện đúng quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước ta về Công an xã.

Công an xã là lực lượng vũ trang bán chuyên trách thuộc hệ thống tổ chức của Công an nhân dân, làm nòng cốt trong công tác đảm bảo ANTT, một bộ phận không thể tách rời trong hệ thống chính trị ở cơ sở, do vậy, Đề án được ban hành sẽ tạo cơ sở pháp lý quan trọng để xây dựng, kiện toàn về tổ chức, biên chế và thực hiện các chế độ, chính sách của lực lượng Công an xã, nhằm đáp ứng yêu cầu đảm bảo ANTT ở cơ sở, địa bàn nông thôn trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo.

Đề án là căn cứ xác định việc tổ chức triển khai thực hiện Pháp lệnh Công an xã và các văn bản hướng dẫn thi hành, là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm, là biện pháp thiết thực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ở địa phương. Trong đó, việc ban hành Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh để triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về tổ chức, biên chế, một số chế độ, chính sách đối với lực lượng Công an xã phù hợp với đặc điểm, tình hình, yêu cầu nhiệm vụ đảm bảo ANTT và để tổ chức thực hiện một cách đầy đủ, thống nhất, hiệu quả quy định của pháp luật về Công an xã, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác giữ gìn ANTT, tạo môi trường xã hội lành mạnh ngay từ cơ sở, phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. u

Phần V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Công an tỉnh.

Là cơ quan thường trực, chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các ngành liên quan chỉ đạo việc soạn thảo chương trình, nội dung đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phù hợp với từng đối tượng; xác định xã trọng điểm, phức tạp về ANTT, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị Bộ Công an xem xét, quyết định. Căn cứ vào khung số lượng Công an xã, Công an viên và tình hình thực tế tại địa phương, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định cụ thể số lượng Phó trưởng Công an xã, Công an viên từng xã theo lộ trình.

- Lập dự trù kinh phí phục vụ công tác đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng, xây dựng nhà làm việc; kinh phí mua sắm trang thiết bị, sổ sách, biểu mẫu, phương tiện phục vụ công tác của lực lượng Công an xã, kinh phí tổng kết khen thưởng, các khoản chi khác để báo cáo Bộ Công an và UBND tỉnh cấp, hỗ trợ hàng năm.

- Chỉ đạo Công an các huyện, thành phố, các phòng chức năng trong công tác tuyển chọn, bố trí, đào tạo nhân sự, thực hiện chính sách khác theo quy định cho Công an xã.

- Hướng dẫn quản lý, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ cho Công an xã.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành chức năng và địa phương giải quyết hoặc báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các nội dung của Đề án.

II. Sở Nội vụ.

Phối hợp Công an tỉnh và các sở, ban, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh xây dựng kế hoạch mở lớp đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ hàng năm cho lực lượng Công an xã trong toàn tỉnh; xây dựng quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ huy Công an xã đáp ứng các tiêu chí về định biên quy hoạch (trong cơ cấu của xã), trình độ, năng lực, độ tuổi và tính khả thi trong việc đề bạt vào vị trí lãnh đạo, chỉ huy công chức cấp xã và những người làm việc không chuyên trách ở xã (Phó trưởng Công an xã và Công an viên) nhằm đảm bảo nguồn nhân lực phục vụ cho công tác củng cố, kiện toàn về tổ chức, biên chế lực lượng Công an xã trong từng giai đoạn cụ thể.

III. Sở Tài chính:

- Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, Sở Nội vụ dự toán cụ thể mức kinh phí phục vụ nhiệm vụ đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng; kinh phí mua sắm, trang phục, phù hiệu, Giấy chứng nhận Công an xã, nhà làm việc của Công an xã.

- Hàng năm, căn cứ chế độ quy định và kinh phí phê duyệt của Đề án, có trách nhiệm trình Chủ tịch UBND tỉnh bố trí trong chi cân đối ngân sách chi thường

xuyên về giáo dục (trong đó có đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng cán bộ cơ sở) để giao dự toán ngân sách cho Công an tỉnh.

- Tham mưu UBND tỉnh bố trí ngân sách địa phương đảm bảo thực hiện các nội dung công việc của Đề án; kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng kinh phí theo đúng Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành liên quan.

IV. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Phối hợp Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn đầu tư xây dựng nhà làm việc của Công an xã theo lộ trình, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

V. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Y tế:

Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Công an tỉnh trong việc thực hiện chế độ Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế đối với lực lượng Công an xã trong tỉnh theo quy định của Nhà nước.

VI. Văn phòng UBND tỉnh:

Phối hợp với Công an tỉnh, các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các cấp theo dõi việc thực hiện Đề án.

VII. UBND các huyện, thành phố:

Theo lộ trình thực hiện Đề án, chủ động lập kế hoạch xây dựng nhà làm việc; lập dự trù kinh phí cho huyện, thành phố, báo cáo Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư để trình UBND tỉnh cho ý kiến chỉ đạo thực hiện./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lưu Xuân Vinh



Phụ lục I

**KINH PHÍ ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN VÀ BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ
CHO CÔNG AN XÃ TRONG 06 NĂM (CHO 150 CÔNG AN XÃ/KHÓA)**

(Kèm theo Quyết định số 56 /2014/QĐ-UBND

ngày 11 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Đơn vị tính: VNĐ.

TT	Mục chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Số khóa	Thành tiền	Nguồn vốn
1	Tài liệu học tập	bộ	150	30.000	6	27.000.000	Ngân sách tỉnh bố trí thêm vào dự toán hàng năm cho Công an tỉnh
2	Thù lao giảng chính	tiết	150	120.000	6	108.000.000	
3	Thù lao trợ giảng	tiết	150	50.000	6	45.000.000	
4	Nước uống	ngày	15	300.000	6	27.000.000	
CỘNG						207.000.000	



Phụ lục II

KINH PHÍ KHẢO SÁT, ĐÁNH GIÁ VÀ PHÂN LOẠI XÃ

ĐỀ BỐ TRIỂN BIẾN CHẾ LỰC LƯỢNG CÔNG AN XÃ TRONG 07 NĂM

(Kèm theo Quyết định số 56 /2014/QĐ-UBND

ngày 11 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Đơn vị tính: VNĐ.

Nội dung	Phân kỳ năm							Cộng	Nguồn vốn
	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020		
Khảo sát, xác định xã trọng điểm, phức tạp về ANTT	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000	35.000.000	Ngân sách tỉnh



Phụ lục III
KINH PHÍ MUA SẴM MÁY VI TÍNH

Kèm theo Quyết định số 56 /2014/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Đơn vị tính: VNĐ.

TT	Mục chi	Đơn vị tính	Số lượng	Số tiền	Thành tiền	Nguồn vốn
1	Máy vi tính	Cái	47	10.000.000	470.000.000	Ngân sách tỉnh
2	Máy in	Cái	47	3.000.000	141.000.000	
CỘNG					611.000.000	



Phụ lục IV

KINH PHÍ XÂY DỰNG NHÀ LÀM VIỆC CỦA CÔNG AN XÃ

(Kèm theo Quyết định số 56 /2014/QĐ-UBND

ngày 11 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Đơn vị tính: VNĐ.

Mục chi	Đơn vị tính	Số lượng	Số tiền	Thành tiền	Nguồn vốn
Trụ sở làm việc	cái	47	300.000.000	14.100.000.000	Ngân sách tỉnh



Phụ lục V
ĐU TOÁN KINH PHÍ PHỤ CẤP TĂNG THÊM THEO TRÌNH ĐỘ
CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ ĐỐI VỚI PHÓ TRƯỞNG CÔNG AN XÃ,
CÔNG AN VIÊN TRONG 01 NĂM

(Kèm theo Quyết định số 56 /2014/QĐ-UBND
ngày 11 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Trình độ	Mức phụ cấp/hệ số lương cơ sở	Số người hưởng	Số tháng/năm	Thành tiền	Nguồn vốn
1	Đại học	1.34	30	12	554.760.000	Ngân sách tỉnh
2	Cao đẳng	1.1	50	12	759.000.000	
3	Trung học	0.68	100	12	938.400.000	
CỘNG					2.252.160.000	



Phụ lục VI

**ĐU LƯỢNG KINH PHÍ HỖ TRỢ ĐÓNG BẢO HIỂM Y TẾ CHO
PHÓ TRƯỞNG CÔNG AN XÃ VÀ CÔNG AN VIÊN/01 NĂM**

(Kèm theo Quyết định số 56 /2014/QĐ-UBND

ngày 11 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Đơn vị tính: VNĐ.

Mục chi	Mức chi/ tháng	Số người được hỗ trợ	Số tháng/ năm	Thành tiền	Nguồn vốn
Bảo hiểm y tế	34.500	396	12	163.944.000	Ngân sách tỉnh

Ghi chú: Tổng số tiền hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho Phó trưởng Công an xã và Công an viên trong 06 năm là:

163.944.000đ x 06 năm = **983.664.000** đồng. u



Phụ lục VII

**KINH PHÍ MUA SẮM PHƯƠNG TIỆN ĐI LẠI, NHIÊN LIỆU
PHỤC VỤ CÔNG TÁC CỦA CÔNG AN XÃ**

(Kèm theo Quyết định số 56 /2014/QĐ-UBND

ngày 11 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

1. Trang cấp xe mô tô:

47 xã x 01 xe = 47 xe.

2. Nhiên liệu: 35 lít xăng/tháng/xã.

Đơn vị tính: VNĐ.

Mục chi	Số lít xăng/tháng	Số tiền (đồng)	Tổng số xã	Số tháng	Số năm	Thành tiền
Xăng	35	25.000	47	12	06	2.961.000.000

3. Dự toán mức kinh phí mua sắm phương tiện đi lại, nhiên liệu.

Đơn vị tính: VNĐ.

TT	Mục chi	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn
1	Mỗi xã 01 xe mô tô	20.000.000	940.000.000	Ngân sách tỉnh
2	Nhiên liệu (xăng)		2.961.000.000	Ngân sách huyện, thành phố
CỘNG			3.901.000.000	



Phụ lục VIII

KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CÔNG AN XÃ TRONG 06 NĂM

(Kèm theo Quyết định số 56 /2014/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Đơn vị tính: VNĐ.

TT	Loại xã	Tổng số xã	Mức hỗ trợ/tháng	Số tháng/năm	Số năm	Thành tiền	Nguồn vốn
1	Xã trọng điểm, phức tạp về ANTT, xã loại 1, xã loại 2	46	2.000.000	12	06	6.624.000.000	Ngân sách xã
2	Xã loại 3	01	1.500.000	12	06	108.000.000	
CỘNG						6.732.000.000	



Phụ lục IX

**Khai toán chế độ phụ cấp đối với Phó Trưởng Công an xã
và Công an viên thường trực toàn tỉnh/năm**

(Kèm theo Quyết định số 56 /2014/QĐ-UBND

Ngày 11 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Đối tượng hưởng	Số năm	Số tháng/năm	Số người hưởng	Hệ số	Lương cơ sở	Thành tiền
Phó trưởng Công an xã và Công an viên thường trực	06	12	140	1.0	1.150.000	11.592.000.000



Phụ lục X

TỔNG HỢP NHU CẦU VỐN NGÂN SÁCH CHO ĐỀ ÁN ĐỀN NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 56 /2014/QĐ-UBND

ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Đơn vị tính: VNĐ.

TT	Nội dung	Tổng vốn	Nguồn vốn
1	Kinh phí đào tạo, huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ cho Công an xã	207.000.000	Ngân sách tỉnh bổ trí thêm vào dự toán hàng năm cho Công an tỉnh
2	Kinh phí khảo sát, đánh giá và phân loại xã để bố trí biên chế lực lượng Công an xã	35.000.000	Ngân sách tỉnh
3	Kinh phí mua sắm máy vi tính, máy in	611.000.000	Ngân sách tỉnh
4	Kinh phí xây dựng nhà làm việc của Công an xã	14.100.000.000	Ngân sách tỉnh
5	Kinh phí phụ cấp tăng thêm theo trình độ	2.252.160.000	Ngân sách tỉnh
6	Kinh phí hỗ trợ đóng Bảo hiểm y tế cho Phó trưởng Công an xã và Công an viên	983.664.000	Ngân sách tỉnh
7	Kinh phí mua sắm phương tiện đi lại cho Công an xã	940.000.000	Ngân sách tỉnh
8	Kinh phí mua nhiên liệu phục vụ công tác của Công an xã	2.961.000.000	Ngân sách cấp huyện
9	Kinh phí hoạt động của Công an xã	6.732.000.000	Ngân sách xã
CỘNG		28.821.824.000	

Ghi chú:

- Kinh phí mua nhiên liệu phục vụ công tác Công an xã do ngân sách huyện, thành phố hỗ trợ: **2.961.000.000đ.**

- Kinh phí hoạt động của Công an xã do ngân sách xã cân đối là: **6.732.000.000đ.**

- Tổng kinh phí thực hiện Đề án: **28.821.824.000đ.**

Trong đó:

+ Ngân sách tỉnh thực hiện Đề án: **19.128.824.000đ.**

+ Ngân sách cấp huyện, xã thực hiện Đề án: **9.693.000.000đ. u**



Phụ lục XI
PHÂN KỲ VỐN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 56 /2014/QĐ-UBND
ngày 04 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Nội dung	Tổng số vốn đầu tư cho từng năm							Cộng	Nguồn vốn
		2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020		
1	Đào tạo, huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ cho Công an xã trong 07 năm		34.500.000	34.500.000	34.500.000	34.500.000	34.500.000	34.500.000	207.000.000	Ngân sách tỉnh
2	Khảo sát, đánh giá và phân loại xã trọng điểm, phức tạp về ANTT	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000	35.000.000	Ngân sách tỉnh
3	Máy vi tính, máy in	0	611.000.000	0	0	0	0	0	611.000.000	Ngân sách tỉnh
4	Xây dựng nhà làm việc của Công an xã	0	2.400.000.000	2.400.000.000	2.400.000.000	2.400.000.000	2.400.000.000	2.100.000.000	14.100.000.000	Ngân sách tỉnh
5	Phụ cấp tăng thêm theo trình độ	2.252.160.000đ (Tăng theo số lượng Công an xã tốt nghiệp đại học, cao đẳng, trung cấp)							2.252.160.000	Ngân sách tỉnh
6	Hỗ trợ đóng Bảo hiểm y tế	0	163.944.000	163.944.000	163.944.000	163.944.000	163.944.000	163.944.000	983.664.000	Ngân sách tỉnh
7	Mua sắm phương tiện đi lại phục vụ công tác của Công an xã	0	240.000.000	240.000.000	240.000.000	220.000.000	0	0	940.000.000	Ngân sách tỉnh
	Nhiên liệu (xăng)	0	493.500.000	493.500.000	493.500.000	493.500.000	493.500.000	493.500.000	2.961.000.000	Ngân sách cấp huyện
8	Kinh phí hoạt động của Công an xã	0	1.122.000.000	1.122.000.000	1.122.000.000	1.122.000.000	1.122.000.000	1.122.000.000	6.732.000.000	Ngân sách xã
CỘNG		5.000.000	5.069.944.000	4.458.944.000	4.458.944.000	4.438.944.000	4.218.944.000	3.918.944.000	28.821.824.000	

yl